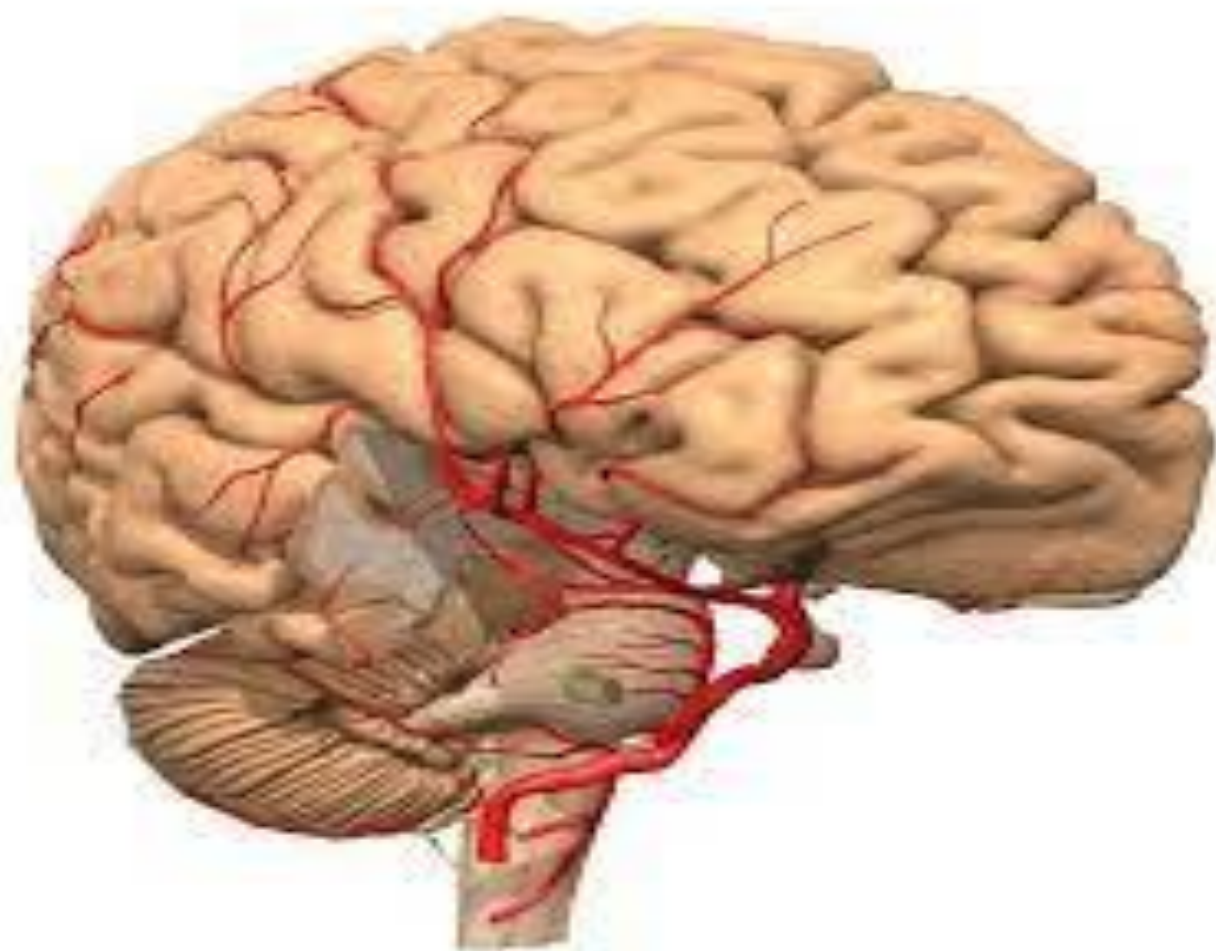


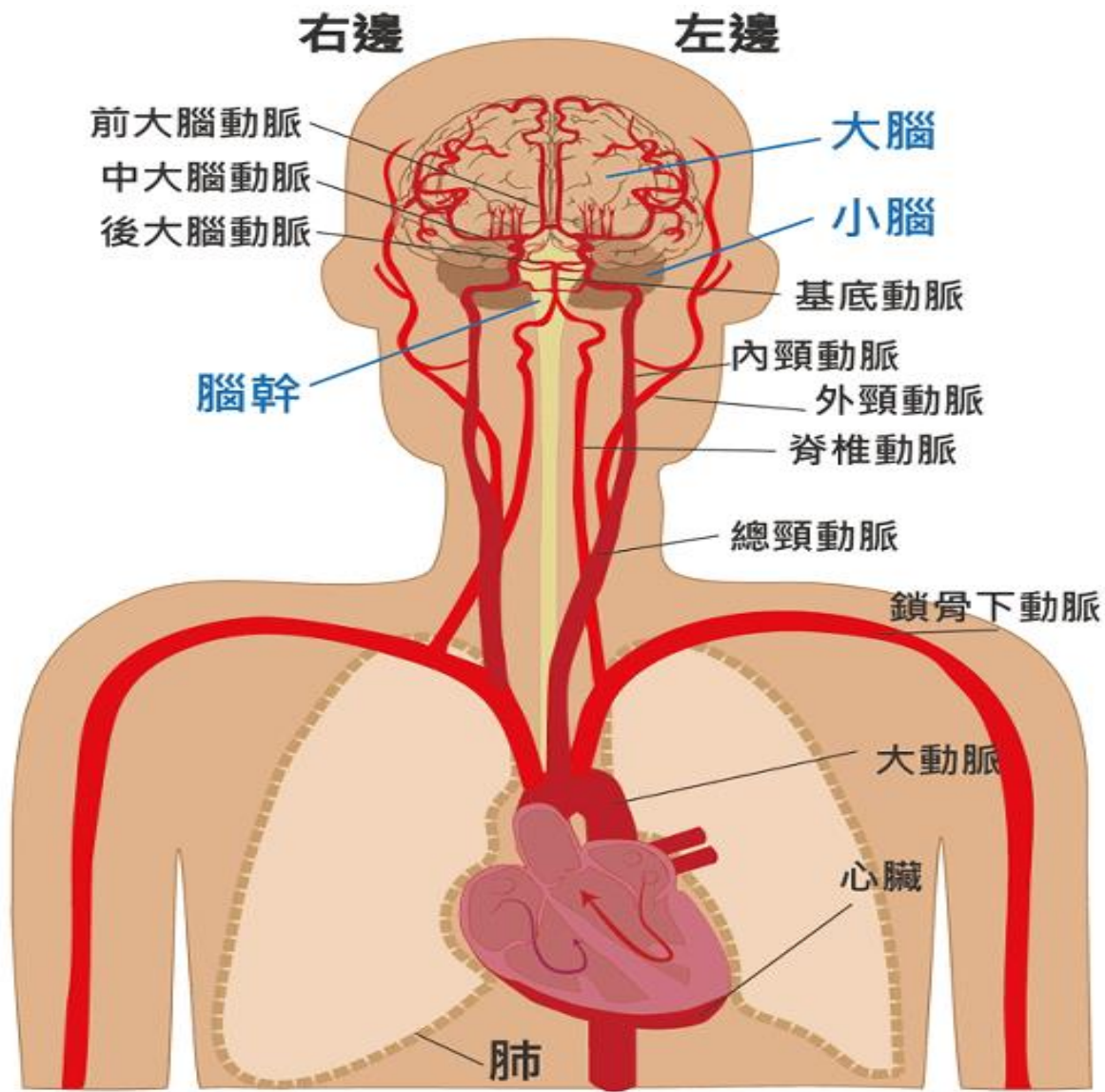
緊急醫療介紹

2023-06-24

海防頂好多科診所

張醫師



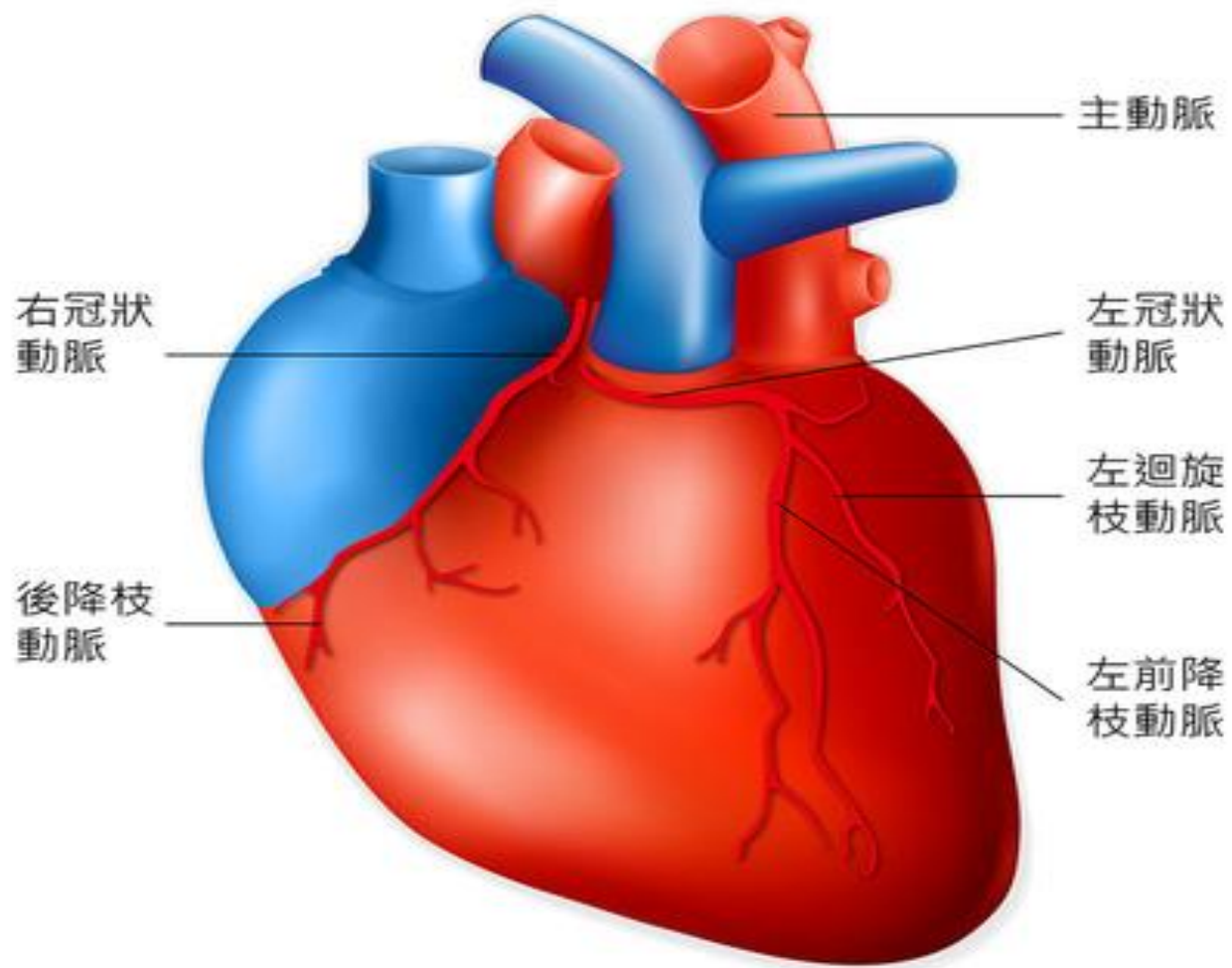


- 腦部和心臟都是人體重要器官，須在黃金時機內搶救疏通血流，否則阻塞時間越久，對器官傷害越大，形成永久性損傷。
- 腦中風，概分為缺血性及出血性兩大類，其中缺血性腦中風佔約80%，出血性中風約占15-20%，中風處理的第一步是先觀察病人的症狀，腦中風學會提供3個簡易評判中風的動作，分別是微笑、舉手、說你好，當3個動作中任一個做不到就可能是中風，要盡快送醫。
- 完整判斷中風的口訣是「FAST」，細節如下所述：
- Face：請病人微笑或觀察臉部表情，注意兩邊臉是否對稱。
- Arm：請病人舉起雙手，判斷是否有肢體無力的狀況。
- Speech：請病人說話，觀察是否會含糊不清。
- Time：記錄發作時間，盡快送醫爭取治療黃金時間。

- 中風急救正確流程:
 1. 身旁有人中風發作時，務必**保持冷靜**。
 2. 先讓病人**輕輕躺下**，解開病人上衣、領帶，若有**假牙請先拿掉**。
 3. 讓病人側臥**防止嘔吐**物及分泌物因**嗆咳**進入氣管造成吸入性肺炎。
 4. **勿給**予病人**任何水或藥物**，請由專業醫師判斷病情以免造成反效果。
 5. 若病人**出現抽搐**可用毛巾捲放入口腔中以**免咬傷舌頭**。
 6. 把握中風救治**黃金3小時**，撥打**115(越南)**，送至**最近醫院**治療。
- **腦梗塞**:在救護車運送下，送至急診，檢傷步評估為急性腦中風，**立即啟動3小時內急性腦中風流程**，進行**腦部電腦斷層檢查CT**、或**血管攝影**同時通知神經科醫師協助評估。
- 如果診斷為血管阻塞，**1.傳統**以注射靜脈**血栓溶解劑 (rt-PA)**為主，但**打通率僅約3成**，**2.最新治療**為「**直接取栓**」，利用取栓導管或取栓支架，直接嵌合腦血栓後，取出體外。

- **腦出血**;短時間內可能從有意識清醒，進入昏迷狀態，最重要的是跟時間賽跑，盡快送病人到急診由醫師評估，了解腦出血後**血塊的大小、以及位置**，藉由**影像學腦部CT**檢查，評估要採取**保守藥物**治療、或是進行**開刀處理**。把握時間緊急救治，對病患才是最好的治療。
- 常考慮以下幾個要點：
- **1.如血塊不大、腦壓不高**：可以藥物治療。-----**大小**
- **2.血塊在腦部深處**：如在腦幹,影響到心跳/血壓跟意識，通常醫師不會輕易在這個地方進行手術。-----**位置**
- **3.腦部功能受嚴重損傷**：評估即使手術，仍沒有機會恢復神智及呼吸，是否手術，此時會更加保守。
- **4.患者本身健康狀況**：**高齡**臥床、**健康**狀況不佳，嚴重**慢性病**，例如：能否承受得了手術，未來恢復狀況，這些因素都需要加以考慮。
- **5.腦出血後續照顧**：治療的目的，希望能讓病患有**自我照顧**，回復日常生活的能力。不開刀並不代表不治療，藥物同樣是重要治療策略。必須思考**自我照顧能力**，日常生活需要他人輔助，及社會資源協助，家人必須承擔病患生活起居的照顧。

- 不宜外科手術的情況:-----大小.位置
 - ◆小出血 ($<10\text{cm}^3=10\text{c.c}$) 或神經症狀很輕微者，但需注意觀察急性ICH (<3 小時)
 - 會有擴大出血的情況。
 - ◆視丘或腦幹出血，以不採開顱手術為原則。除非產生水腦症，需做引流手術外，其他的內視鏡或立體定位手術等可施用於視丘或腦幹出血
 - ◆昏迷指數 (GCS) 小於5分，表示太嚴重，手術效果均不好。但小腦出血壓迫腦幹時，就需緊急開刀。
 - ◆一般而言，若血塊 $<$ 小於30cc，內科藥物治療亦可。
- 宜外科手術者:-----大小.位置
 - ◆被殼出血(putamen)、小腦出血、皮質下出血等均可視為手術對象, 小腦出血 $>3\text{cm}$ 或 $>30\text{c.c}$.且有症狀惡化現象。
 - ◆ <60 歲者，中度至重度的腦葉或基底核的腦出血；出血量30-50 cm^3 ，GCS昏迷指數 <12 ，或血量超過 $>50\text{cm}^3$ ，且GCS昏迷指數 ≤ 14 可考慮外科手術
 - ◆動脈瘤 (Aneurysm)、動靜脈畸形 (AVM)、或海綿狀血管瘤 (cavernous hemangioma) 均可視為手術對象。



- 急性心肌梗塞是急性冠心症（ACS）：
- 高風險因素:年紀大，有三高(高血壓、高血脂肪、高血糖)，停經後的女性、以及有家族病史的，年紀輕的男性有習慣：吸煙、酗酒、肥胖、缺乏運動、生活或工作壓力過大的。
- 主要症狀為: 胸痛, 胸悶、呼吸困難易喘、盜汗昏厥, 上腹部不舒服、血壓不穩定，此時心肌酶升高並心電圖波型ST段呈現上升，需緊急去醫院施以緊急處理。
- 根據醫學統計，最重要把握黃金搶救時間，一般來說，「時間就是肌肉」，亦即在病人送達急診10分鐘內須完成診斷，30分鐘內需施行心導管手術，90分鐘內需打通阻塞的血管，即所謂的「到院至灌流時間」(door-to-balloon time)，以減少心肌缺血的時間。若心肌梗塞超過八個小時，就會心臟肌肉缺血，導致肌肉壞死或纖維化，造成心臟缺損不可逆的後果。
- 治療方式：
 - 1.血栓溶解劑, 在30天後, 有近七成保持冠狀動脈暢通。
 - 2.直接氣球擴張術PCI + 支架置放, 在3個月後, 九成以上仍能保持冠狀動脈暢通
 - 3.EECP(體外反搏治療 Enhanced external counterpulsation)

- 在天氣炎熱時，腦中風及心肌梗塞案例明顯增加，提醒，在戶外活動時，應該多喝水(體重x30cc+1000cc)，如果自覺胸痛、胸悶、呼吸困難、易喘、盜汗、上腹部不舒服等症狀時，皆可能是猝死的徵兆，務必休息，緊急就醫。
- 如果很不幸,發生心肺停止,就必須在黃金時間,施予以下緊急處理,然後就醫.
- 醫學研究顯示:
 - 4分鐘內協助停止心跳的患者實施CPR、8分鐘內執行AED電擊，患者存活率有望提高到60%至75%。
 - 另有文獻指出，1分鐘內實施AED電擊，急救成功率高達90%，(每延遲1分鐘，成功率將遞減7%至10%)，因此學會正確施行CPR和AED相當重要。

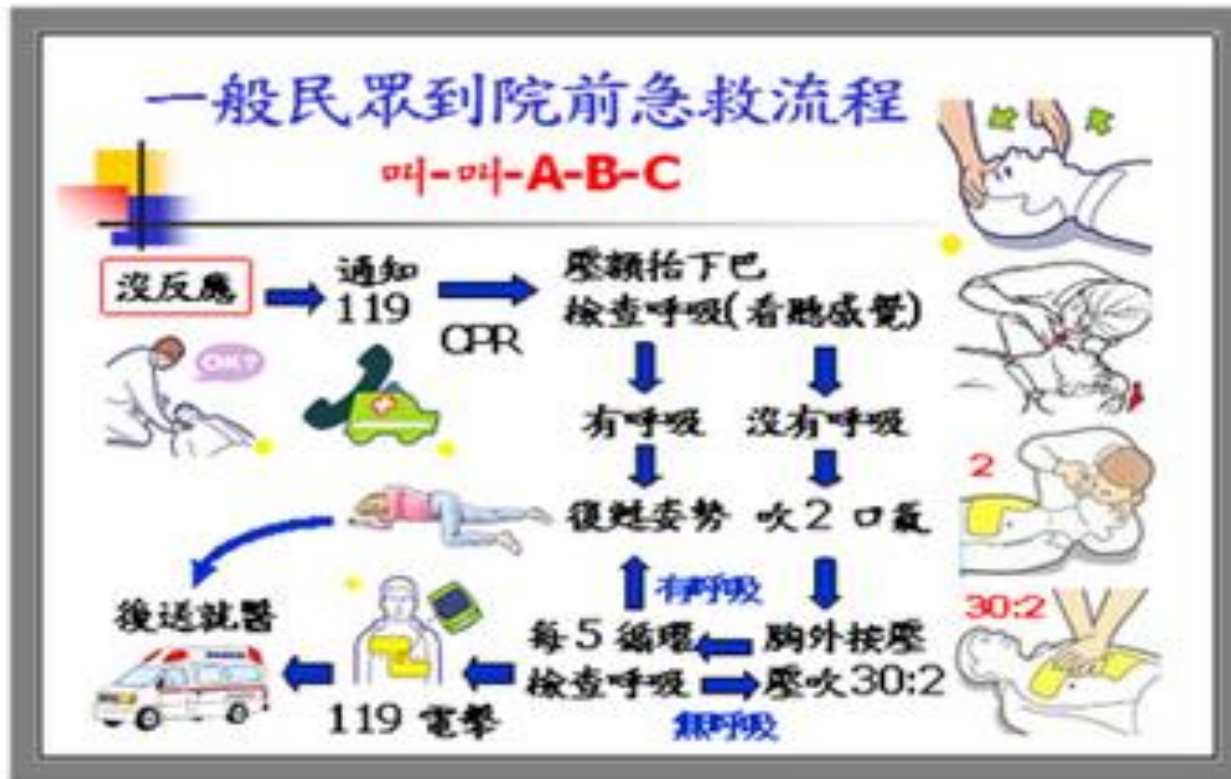
心肺復甦術暨心臟電擊(CPR+AED)

- **心肺復甦術(Cardiopulmonary Resuscitation, CPR):**
- --- 是一種幫助，當病患在無意識、無呼吸或幾乎無呼吸的患者，用來維持腦功能，並藉由「胸外按壓術」的動作，讓病人恢復呼吸及血液循環的救命術。心肺復甦術並不是一個單項的技術，它包含一系列的評估及操作。
- **自動體外心臟電擊去顫器(Automated External Defibrillator,AED):**
- 是一台能夠自動偵測傷病患心律脈搏、並施以電擊使心臟恢復正常運作的儀器，
- 就像使用「傻瓜相機」一樣簡單，所以，坊間稱之為「傻瓜電擊器」。

最新救命步驟-叫叫CAB CPR



叫叫叫 A-B-C



ADULT CPR 9 YEARS AND OVER

IN AN
EMERGENCY
CALL
911

1. Attempt to wake the victim and call for help.

If the victim is not breathing (or is just gasping for breath), call 911 immediately and go to step 2. If someone else is there to help, one of you call 911 while the other moves on to step 2.



2. Begin chest compressions.

If the victim is not breathing, place the heel of your hand in the middle of his chest. Put your other hand on top of the first with your fingers interlaced. Compress the chest at least 2 inches (4-5 cm). Allow the chest to completely recoil before the next compression. Compress the chest at a rate of at least 100 pushes per minute. Perform 30 compressions at this rate.

If you are not trained in CPR, continue to do chest compressions until help arrives or the victim wakes up.
It's normal to feel pops and snaps when you first begin chest compressions - DON'T STOP! You're not going to make the victim worse.



3. Open the airway.

After 30 compressions, open the victim's airway using the head-tilt, chin-lift method. Pinch the victim's nose and make a seal over the victim's mouth with yours. Use a CPR mask if available.



4. Begin rescue breaths.

Give the victim a breath, just enough to make the chest rise. Let the chest fall, then repeat the rescue breath once more. If the chest doesn't rise on the first breath, reposition the head and try again. Whether it works on the second try or not, go to step 5.

If you don't feel comfortable with this step, just continue to do chest compressions at a rate of at least 100/minute.



5. Repeat chest compressions.

Repeat chest compressions. Do 30 more chest compressions just like you did the first time.

30 Compressions



6. Repeat rescue breaths.

Repeat rescue breaths. Give more breaths just like you did in step 4 (unless you're skipping the rescue breaths). Repeat steps 5 and 6 for about two minutes (about 5 cycles of 30 compressions and 2 rescue breaths).

2 Breaths



- **第一個「叫」：確認意識**
呼喚患者、輕拍雙肩來評估。患者如完全沒有動靜，這樣才可確認此患者沒有意識。
包括:沒有移動肢體、沒有發出聲音、沒有眨眼等動作，
- **第二個「叫」：大聲呼救、撥打115、設法取得AED**
接下來就要大聲呼救、撥打115 (「不要」掛掉電話)、設法取得AED。
- **A.B: 評估呼吸狀況**
觀察患者口鼻有無異物, 有無正常呼吸及胸腹部有無起伏。當發現患者完全沒有呼吸，那麼就別猶豫做胸外按壓了！
- **C： 開始胸外按「壓」**
- (一)手掌根置於兩乳頭連線的中央，另一隻手掌交疊於第一隻手的手背上，使雙手重疊平行或互扣。手肘需打直。
- (二)利用上半身的重量垂直向下壓，按壓速度每分鐘100-120下(約每秒2下)，下壓深度5-6公分。每次按壓後掌根不可以離開胸部，壓胸的動作儘量避免中斷，中斷的時間勿超過10秒。

- **使用AED 評估:**
- **AED**是非常重要的急救儀器，正確使用**AED**，可以提高猝死患者的存活率。
- **AED**全名為(自動體外心臟電擊去顫器)，配合**CPR**操作，能夠自動偵測患者心律、判斷是否需要實施電擊，有「**傻瓜電擊器**」之稱，在救護人員尚未抵達之前，一般人也可依**AED**指示進行急救。

- **AED 使用時機:**
- 1. 確認或懷疑病患有以下狀況即可使用：-沒有意識 -沒有呼吸〔或無正常呼吸〕
- 2. 以下兩種狀況會給予電擊：-**VT**〔心室頻脈〕 -**VF**〔心室纖維性顫動〕 -**VF & VT** 在醫學上均屬於臨床死亡。

- 使用**AED**電擊後，應接著進行**CPR**胸外按壓，且不須移除**AED**貼片，反覆操作胸外按壓及**AED**監測，直到患者回覆生命徵象或救護人員接手為止。值得注意的是，**AED**每2分鐘會自動做一次心律分析，只有在分析心律的短暫幾秒鐘，可以暫停壓胸動作。

- (1) 實施CPR成功救活機率最高的是**無脈搏VT/VF**，而這類心律最重要的就是**按壓與早期去顫**
- (2) **CAB--先壓一個循環 (30下或約18秒) 再暢通呼吸道與吹氣**，壓比較簡單，**ABC--暢通呼吸道與吹氣比較困難**
- (3) 如果把順序**從C開始**，或許會**增加路人做CPR的願意**，CPR人人學過，會做，願意做，又真的去做的，萬中選一
- **實行40多年的心肺復甦術，程序大改變**
美國心臟學會最新公佈，最新的CPR流程，醫界貫稱的「**叫叫ABC**」改成「**叫叫CAB**」，差別在傳統CPR是先實行**A**步驟保持呼吸暢通，接著**B**步驟是人工呼吸，再來是**C**步驟胸部按壓，但**新版CPR將C步驟的胸部按壓**，改成第一。
- **叫叫CAB CPR還是有例外的時候喔**，對於**溺水**上岸沒有反應的，還是維持傳統方法，先給**5個循環的CPR**。

哈姆立克法的關鍵救命步驟

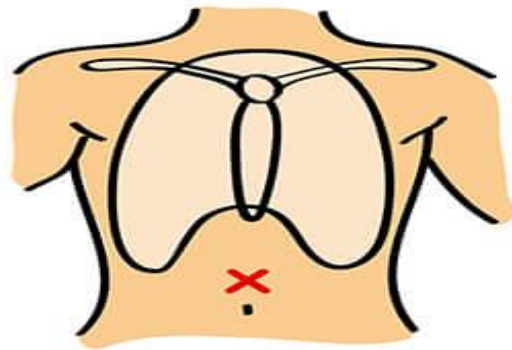
- 如果你身邊朋友，家人吃東西時突然猛烈咳嗽、說不出話，臉色發紅、呼吸困難
- 如果確定是固體物品阻塞，要在1-2分鐘內移除，否者病患會出現無法呼吸、說話或哭泣的情況。
- 立即施行哈姆立克急救法，將異物從口中取出，就能挽救一條寶貴生命。
- 其原理是藉由施救者站在患者的後方，以手向橫膈膜施加壓力，進而壓縮肺部，使異物排出氣管。
- 鼓勵患者用力咳嗽，切勿干擾患者自發性的咳嗽與呼吸，最重要的是，立即撥打115。
- 記住，此時避免拍打患者背部，亦不能給他喝水。
- 哈姆立克急救法，步驟如下：
- 成人
 - （一）立即至患者後方雙腳成弓箭步，前腳膝蓋置於患者胯下，上半身靠近患者或貼緊背部以防患者跌倒。
 - （二）一手握拳，拳眼面向肚子，抵住劍突尖端下方（約肚臍上緣）；另一手抱住放好之拳頭，然後雙手用力向病人的後上方，快速瞬間重複推擠，頻率約一秒一次。
 - （三）隨時留意是否有異物吐出，直到患者吐出異物或發覺患者失去意識為止。
- 一歲以上兒童適用成人哈姆立克急救法，力道可視需求減小。

2



站在患者背後

1



施救位置

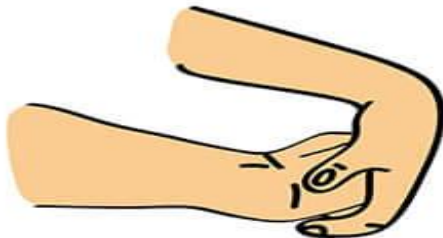
3



一手握拳，另一隻手的
手掌壓在拳頭上方

哈姆 立刻 急救法

4



虎口向內並置於
肚臍和肋骨之間

5



連續快速向內、向上擠按，直到病患吐出食物或可自行呼吸

Goodbye

THANK YOU FOR YOUR TIME

谢谢聆听

CN CÔNG TY TNHH ĐÌNH VÀNG - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA ĐÌNH VÀNG
 Km 9, Đường Phạm Văn Đồng, P.Hải Thành, Q. Dương Kinh, TP. Hải Phòng
 Tel: 0225 3660222 - 0387070587

Hải Phòng, ngày 2 tháng 8 năm 2021

BẢNG BÁO GIÁ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ
越南员工劳动定期检查报价

STT 序号	検査項目	Ý NGHĨA 検査意義	Đơn vị 单位	Nam 男	Nữ 女
A	Khám lâm sàng 临床检查				
1	Khám Nội tổng quát	Tim mạch, hô hấp, thần kinh, tiêu hoá, xương khớp, da liễu, đo mạch- huyết áp. Tư vấn sử dụng thuốc... 身高, 體重, 腰圍, 血壓, 心跳, 視力, 用藥諮詢 (如有), . . .	Ca		
2	Khám Mắt 眼科検査	Khám và phát hiện các bệnh về mắt, đo thị lực... 眼科検査如視力, 青光眼。 . . . 等等	Ca	40,000	40,000
3	Khám Răng Hàm Mặt 口腔一般検査:	Khám và phát hiện các bệnh về răng ... 了解口腔基本狀況, 牙齒有無病變	Ca		
4	Khám Tai Mũi Họng 耳鼻喉科一般検査:	Khám và phát hiện các bệnh về Tai, Mũi, Họng... 了解聽力基本狀況, 耳鼻喉有無病變	Ca		
5	Khám Phụ Khoa 婦產科検査	Khám và phát hiện các bệnh phụ khoa 了解 婦科基本狀況, 婦科有無病變	Ca	No	10,000
Tổng tiền/1CBCNV A 项检查每名收费为				40,000	50,000

B		Xét nghiệm cận lâm sàng 亚临床检查（抽血检查，驗尿）			
1	Công thức máu 18 thông số 血液常規檢查（CBC）	Phát hiện các bệnh lý về máu: thiếu máu, thiếu sắt, suy tuỷ... 紅血球、白血球各成分，發炎反應的檢查、出血傾向和血液凝固的檢查。	Ca	30,000	30,000
2	Glucose (đường máu) 血糖检查	Kiểm tra đường máu, chẩn đoán và theo dõi điều trị bệnh đái tháo đường, hạ đường huyết... 糖尿病、胰臟炎	Ca	25,000	25,000
3	AST (GOT) 肝功能檢查 Định lượng men gan Đánh giá chức năng gan	天門冬胺酸轉胺酶 急慢性肝炎、肝硬化、酒精性肝炎 Viêm gan cấp tính và mãn tính, xơ gan, viêm gan do rượu	Ca	20,000	20,000
4	ALT (GPT) 肝功能檢查 Định lượng men gan Đánh giá chức năng gan	丙胺酸轉胺酶 ALT(GPT) 病毒性肝炎、脂肪肝、其他罕見肝病 Viêm gan do vi rút, gan nhiễm mỡ và các bệnh gan hiếm gặp khác	Ca	20,000	20,000
5	GGT 肝功能檢查	酒精性肝炎，藥物性肝炎，肝硬化，肝癌會高 Xét nghiệm GGT (Đánh giá tổn thương gan do bia rượu ,...)	Ca	30,000	30,000

6	Uric acid 尿酸	痛風因子 痛風、腎疾病的診斷參考 Định lượng acid uric (Xác định bệnh Gout) Tham khảo chẩn đoán bệnh gút và bệnh thận	Ca	30,000	30,000
7	Cholesteron 膽固醇	血脂肪檢查 心臟血管動脈硬化的危險指標 脂肪肝, 心臟血管動脈硬化的危險指標 Định lượng mỡ máu (Xác định lượng mỡ trong máu)		30,000	30,000
8	Triglycerit 三酸甘油酯	Các chỉ số rủi ro của xơ cứng động mạch tim mạch. Gan nhiễm mỡ, chỉ số nguy cơ xơ cứng động mạch tim mạch.		30,000	30,000
9	HbsAg B型肝炎 (表面抗原HbsAg)	B型肝炎篩檢 Tầm soát viêm gan B Xét nghiệm HbsAg (phát hiện viêm Gan B)	Ca	80,000	80,000
10	Anti-HBs (表面抗體)	B型肝炎篩檢 Tìm kháng thể viêm gan B	Ca	80,000	80,000
11	HBeAg (e 抗原)	B型肝炎篩檢 Xét nghiệm HbeAg (phát hiện viêm Gan E)	Ca	100,000	100,000

12	HCV (C型肝炎)	C型肝炎篩檢 Xét nghiệm HCVA b (phát hiện viêm Gan C)	Ca	80,000	80,000
13	Ure	Kiểm tra chức năng thận, phát hiện các bệnh lý về thận như: suy thận, viêm cầu thận... 痛風、腎疾病的診斷參考 嚴重肌肉疾病、腎功能障礙、服用藥物等病症	Ca	20,000	20,000
14	Creatinin		Ca	20,000	20,000
15	Ma túy 4 chân 檢驗4種毒品	1. Ma túy đá: AMP-Methamphetamin 安非他命 2. Cần sa - tà mà: THC 大麻 3. Thuốc lắc: MDMA 搖頭丸 4. Thuốc phiện: Heroin, Morphin 海洛因, 嗎啡	Ca	100,000	100,000
16	Xét nghiệm nước tiểu 10 thông số 尿液分析	Phát hiện các bệnh đái tháo đường, nhiễm xetonic, đái nhạt, bệnh gan, thận, bệnh viêm đường tiết niệu, đái máu, phát hiện sớm ngộ độc thai nghén... 泌尿系統(腎臟、輸尿管、膀胱、尿道)損傷或發炎及功能異常	Ca	20,000	20,000
Tổng tiền/1CBCNV B项检查每名收费为				715,000	715,000

C		Thăm dò chức năng và Chẩn đoán hình ảnh			
		功能探索和诊断成像			
1	Siêu âm ổ bụng tổng quát 上腹部超音波	Đánh giá hình thể các tạng trong ổ bụng: gan, lách, mật, tụy, bàng quang, tiền liệt tuyến (nam), tử cung- buồng trứng (nữ) 評估有無慢性肝炎、肝膿瘍、膽結石、膽囊炎、肝硬化、肝腫瘤等;以及評估脾臟、胰臟、腎臟,膀胱等器官是(男性做前列腺,女性做子宮,卵巢, 輸卵管)	Ca	60,000	60,000
2	Siêu âm tuyến giáp 甲狀腺檢查	Bướu cổ, nang, ung thư tuyến giáp.. 甲狀腺腫大、囊泡、甲狀腺癌	Ca	50,000	50,000
3	Chụp X Quang 胸部X光檢查	Chụp Xquang tim phổi thẳng (Phát hiện các lao, u phổi) Chưa có phim 有無心臟擴大、肺臟及胸部腫瘤 (不含X光片)	Ca	55,000	55,000
		Tổng tiền/1CBCNV B项检查每名收费为		165,000	165,000
		Tổng tiền/1CBCNV (A+B+C) A+B+C项检查每名收费为		920,000	930,000

备注:

1	公司支付: 以上是诊所提供健康检查体检的项目及優待报价, 根据贵公司生产情况及每年劳动定期检查来选择实际检查的项目。
2	自費體檢: 以上項目健康檢查, 除了公司选择实际检查的项目, 若员工想要增加检查其他项目按诊所優待报价来收費。

诊所提供一般勞動定期體檢項目簡介 DANH MỤC KSK ĐỊNH KỲ

STT 序号	Hạng mục kiểm tra 检查项目	Ý NGHĨA 檢查意義	Đơn vị 单位	Bảo giá 单价	
				Nam	Nữ
1	Khám tổng quát 常规检查	Tim mạch, hô hấp, thần kinh, tiêu hoá, xương khớp, da liễu, đo mạch- huyết áp. Khám các chuyên khoa: Mắt, TMH, RHM.... 量身高, 体重, 量血压, 内外妇科检查, 耳鼻喉科检查, 口腔科检查, 眼科检查, ...)	Ca	40,000	50,000
2	Công thức máu 18 thông số 血液常规检查 (CBC)	Phát hiện các bệnh lý về máu: thiếu máu, thiếu sắt, suy tuỷ... 紅血球、白血球各成分的量, 發炎反應的檢查、出血傾向和血液凝固的檢查。	Ca	30,000	30,000
3	Glucose (đường máu) 血糖检查	Kiểm tra đường máu, chẩn đoán và theo dõi điều trị bệnh đái tháo đường, hạ đường huyết... 糖尿病、胰臟炎	Ca	25,000	25,000
4	AST (GOT) 肝功能檢查 Định lượng men gan Đánh giá chức năng gan	天門冬胺酸轉胺酶 急慢性肝炎、肝硬化、酒精性肝炎 Viêm gan cấp tính và mãn tính, xơ gan, viêm gan do rượu	Ca	20,000	20,000
5	ALT (GPT) 肝功能檢查 Định lượng men gan Đánh giá chức năng gan	丙胺酸轉胺酶 ALT(GPT) 病毒性肝炎、脂肪肝、其他罕見肝病 Viêm gan do vi rút, gan nhiễm mỡ và các bệnh gan hiếm gặp khác	Ca	20,000	20,000

6	GGT 肝功能檢查	酒精性肝炎, 藥物性肝炎, 肝硬化, 肝癌會高 Xét nghiệm GGT (Đánh giá tổn thương gan do bia rượu ,...)	Ca	30,000	30,000
7	Xét nghiệm nước tiểu 10 thông số 尿液分析	Phát hiện các bệnh đái tháo đường, nhiễm xetonic, đái nhạt, bệnh gan, thận, bệnh viêm đường tiết niệu, đái máu, phát hiện sớm ngộ độc thai nghén... 泌尿系統(腎臟、輸尿管、膀胱、尿道)損傷或發炎	Ca	20,000	20,000
8	Siêu âm ổ bụng tổng quát 上腹部超音波	Đánh giá hình thể các tạng trong ổ bụng: gan, lách, mật, tụy, bàng quang, tiền liệt tuyến (nam), tử cung- buồng trứng (nữ) 評估有無慢性肝炎、肝膿瘍、膽結石、膽囊炎、肝硬化、肝腫瘤等;以及評估脾臟、胰臟、腎臟,膀胱 等器官是(男性做前列腺,女性做子宮, 卵巢, 輸卵管)	Ca	60,000	60,000
9	Chụp X Quang 胸部X光檢查	Chụp Xquang tim phổi thẳng (Phát hiện các lao, u phổi) Chưa có phim 有無心臟擴大、肺臟及胸部腫瘤 (不含X光片)	Ca	55,000	55,000
	Tổng tiền/1CBCNV 每名员工检查收费为		Ca	300,000	310,000

頂好多科診所很希望能够提供贵公司更多的服务, 谢谢!